SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL



# YALA

**Kính an toàn có** gọ n g **và tròng kính** ớ ự , c l gọ n g **TPR** m ề m dẻ o **và** khả **năng** ch ố n g **tia UV và** ch ố n g số c

n ghiệ Trả t ầm **nhìn và** khả **năng** ế gọ **kính** à **KHÍ** bảo h ộ này i t **mang** nhìn ặ ộ n g **và** rõ nét. Càng kính TPR linh h oạt **mang** ự vừa ế n ẹ chắc chắn **và có** th ể điều chỉnh , **trong** khi tròng kính khỏ **năng** ố n g **tia UV và va** đập bảo v ệ mắt bạn kh ỏi **các tia** i **và** mảnh vỡ.

- **Cánh tay linh** hoạt
- Gọng **và tròng kính** bằng **polycarbonate.**
- **Màu tròng kính: trong** s
- ọc **quang** Độ c: **U1,2**
- Khả **năng** chống **va** đập: **C (45 m/s)**
- **T:** Chịu được nhiệt độ khắc nghiệt **(-5°C** đến **+55°C)**
- Trọng lượng: **32g**



335

| | |
|---|---|
| ống **kính** | Polycarbonate |
| **Khung** | Polyamide, Polycarbonate, TPR |
| lông vũ | Ni lông/TPE |
| băng đô | SAU ĐÓ |
| Loạ | **các** c **năng** |
| Phạm **vi kích** thước | **EU UNI** |
| g lượng **thép** | 0.032 kg |
| ẩn **hiệu** chu | ANSI/ISEA Z87.1-2020 For Eye and Face Protection<br>EN ISO 16321-1:2022 |

CE ANSI /ISEA



u **kính** chống vỡ bảo vệ **tác** động **tác** động.




chống **tia** cực **tím** **UV** có nguy cơ gây hại cho mắt và da.



**Lò xo linh** hoạt

**Công** nghiệp **n:**

Xây dự n g, **Hoá** h oạch , **Bảo** s ập , lĩnh vự c ô tô, phục vụ ăn uố n g, Thự c phẩ m & đ Ngành công n ghiệ p, Khai thác m ỏ , Dầu khí, c ậ thiế n thu